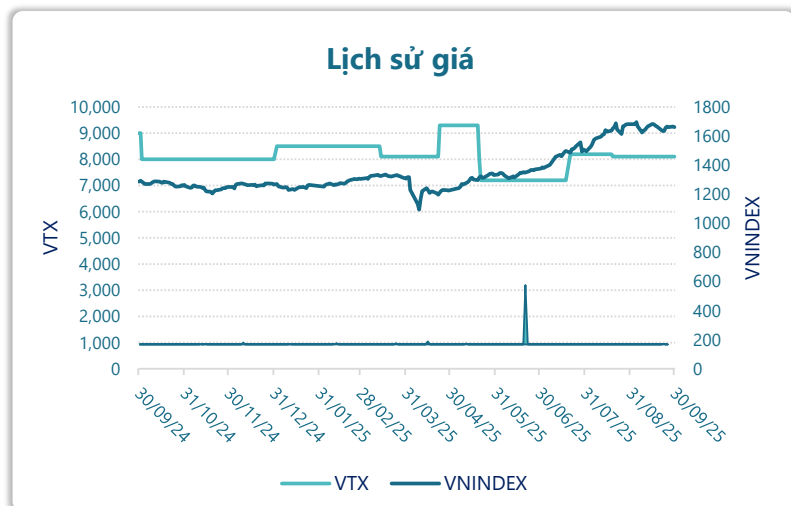


CTCP Vận tải đa phương thức Vietranstimex (UPCOM: VTX)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	8,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,200
SL cổ phiếu LH	20,972,321
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	170
P/E	-2.3
EPS	-3,487

DT thuần
Q3/25

29.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼19.8| -40.5%

YoY: ▼32.6| -52.8%

LN sau thuế
Q3/25

-10.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼5.85| -119%

YoY: ▲ 10.8| 49.9%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25

-32.7%

+/- YoY: ▼ 0.1%

DT thuần
9T 2025

96.9

tỷ VNĐ

YoY: ▼23.1| -19.0%

LN sau thuế
9T 2025

-29.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 31.4| 52.0%

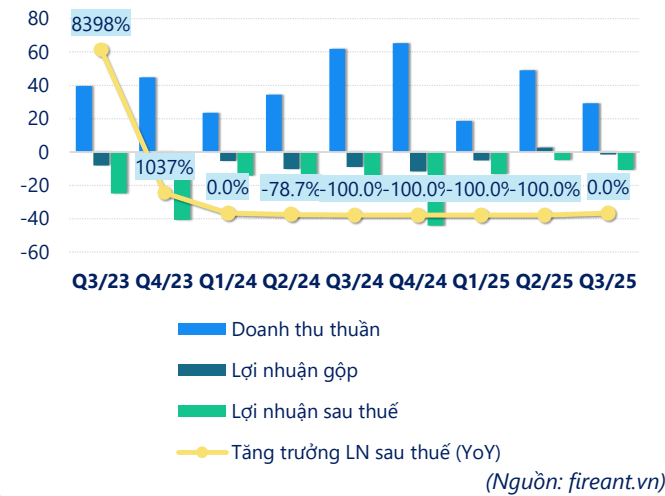
ROE
Q3/25

-78.9%

+/- YoY: ▼ 27.4%

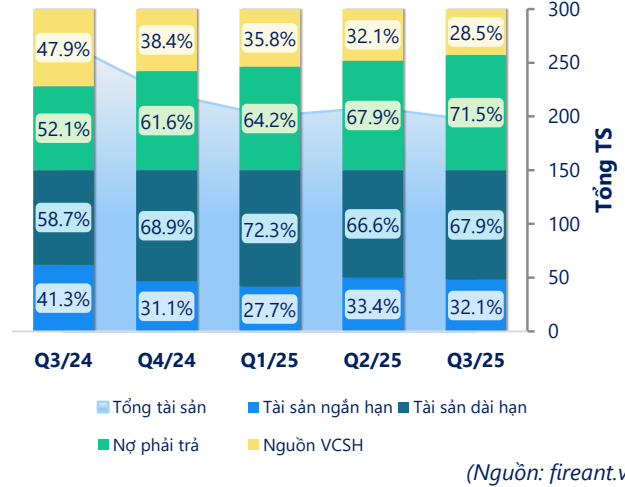
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

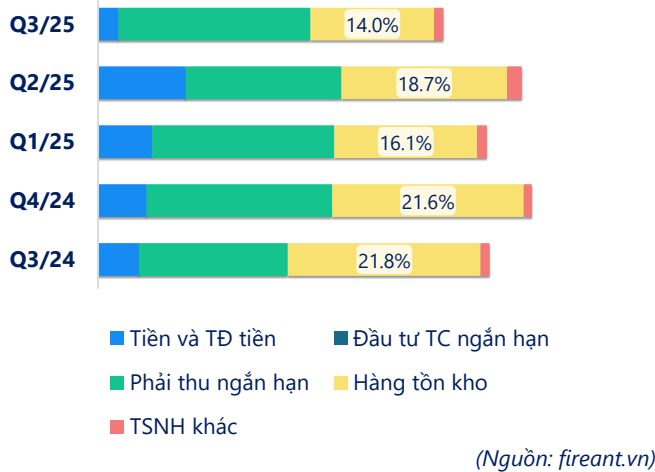


Cơ cấu Tổng tài sản

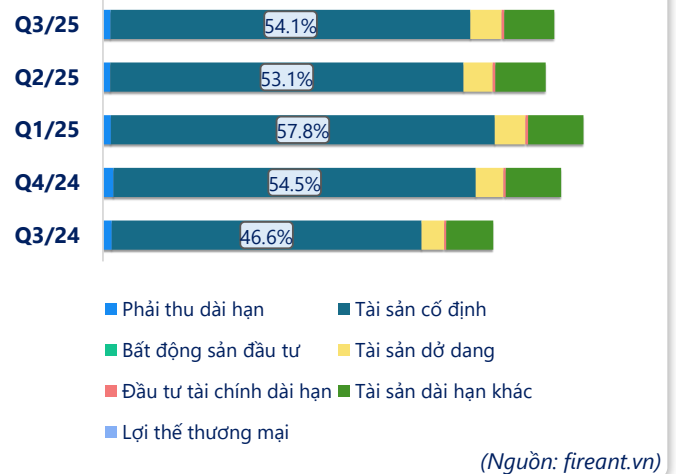
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

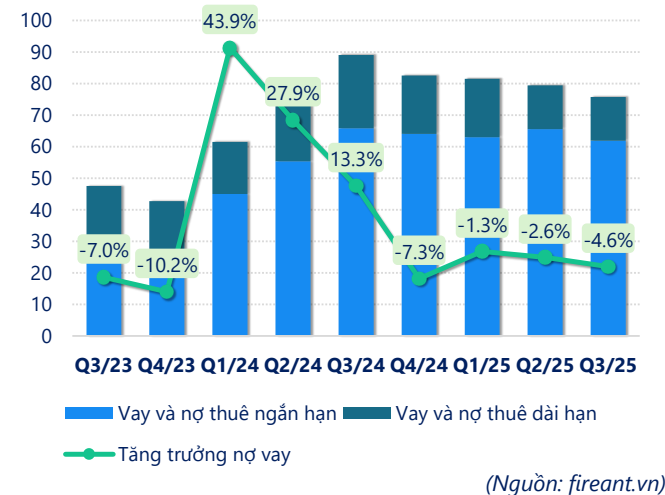


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



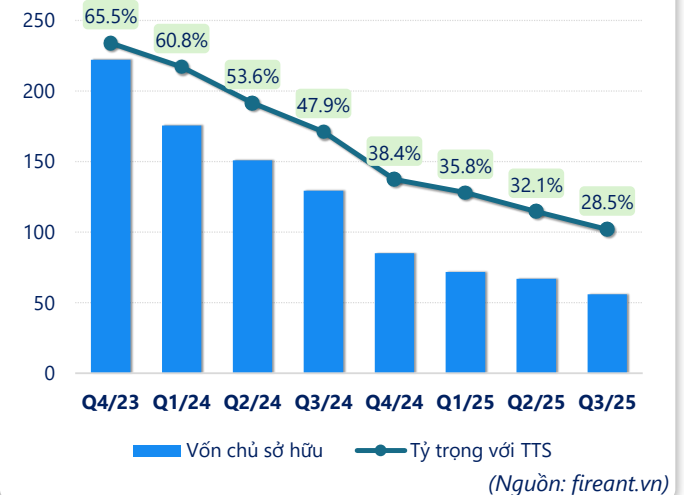
tỷ VNĐ

Nợ vay

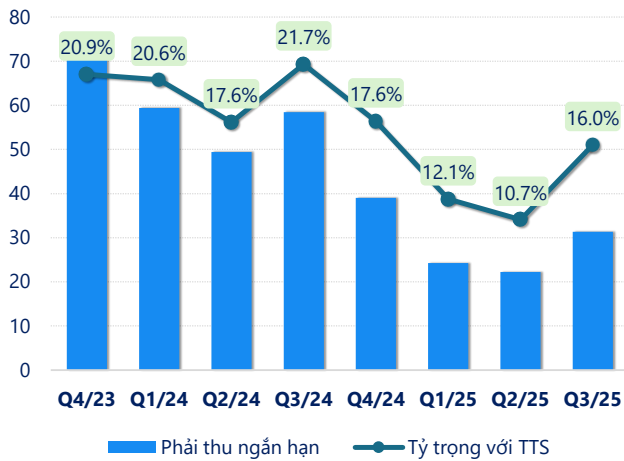


tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

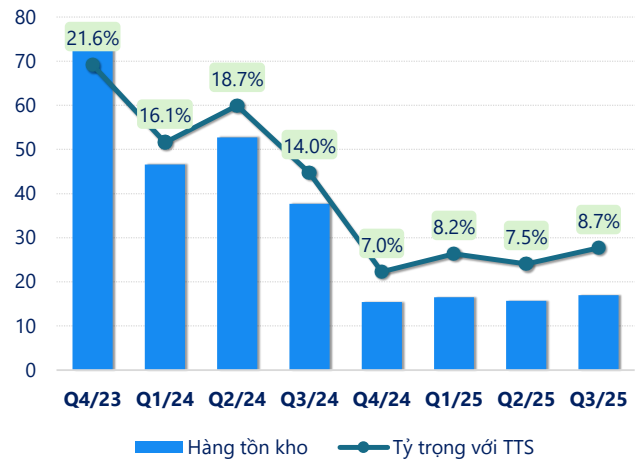


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


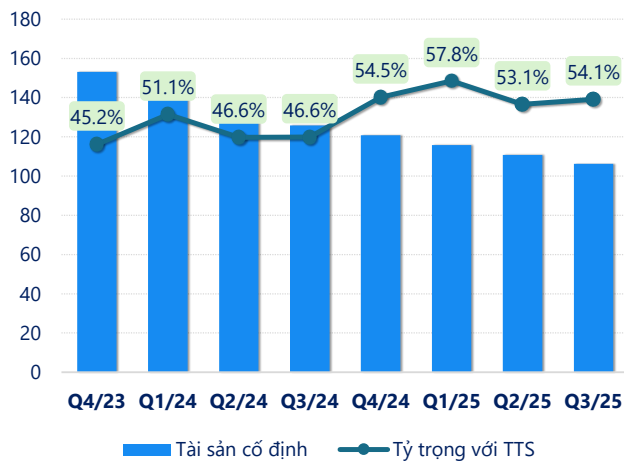
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


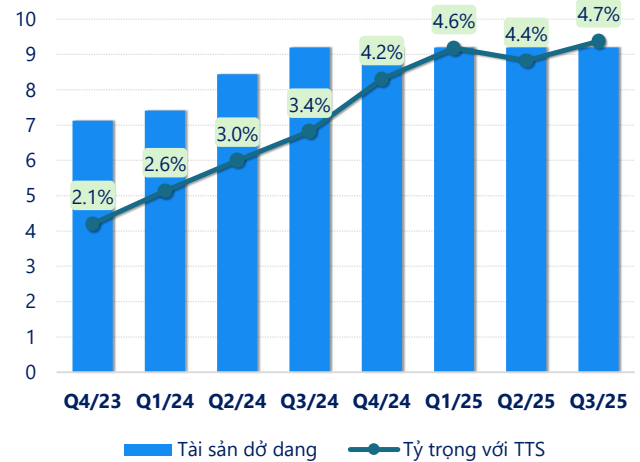
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

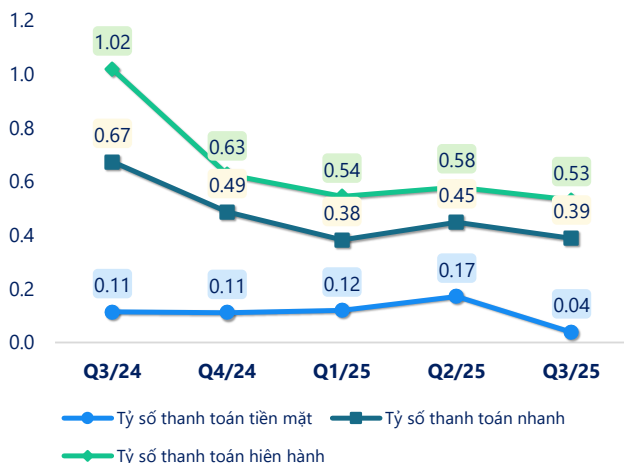
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

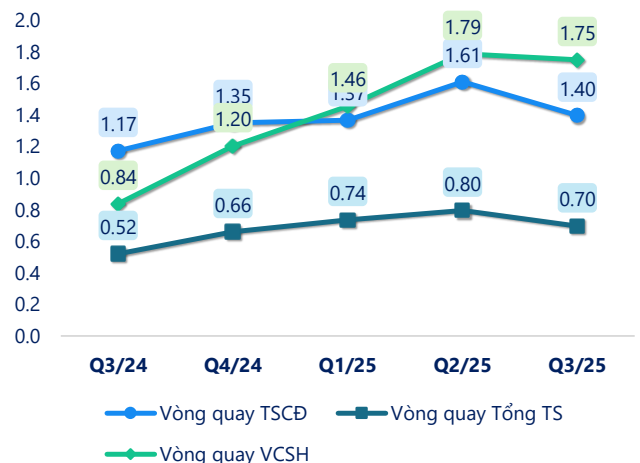
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	270	222	200	209	196
Tài sản ngắn hạn	111	68.9	55.5	69.6	63.0
Tiền và tương đương tiền	12.4	12.2	12.2	20.6	4.53
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	8.00	8.00
Phải thu ngắn hạn	58.5	39.0	24.3	22.2	31.3
Hàng tồn kho	37.7	15.4	16.5	15.7	17.0
Tài sản ngắn hạn khác	2.82	2.24	2.56	3.08	2.16
Tài sản dài hạn	159	153	145	139	133
Phải thu dài hạn	3.52	3.52	2.40	2.29	2.29
Tài sản cố định	126	121	116	111	106
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	9.20	9.20	9.20	9.20	9.20
Đầu tư tài chính dài hạn	0.82	0.82	0.82	0.82	0.82
Tài sản dài hạn khác	19.1	18.4	16.7	15.8	14.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	141	136	129	142	140
Nợ ngắn hạn	109	110	102	120	119
Vay và nợ thuê ngắn hạn	65.8	64.0	63.0	65.5	61.9
Phải trả người bán ngắn hạn	25.9	30.8	24.3	37.5	30.4
Nợ dài hạn	31.2	26.5	26.5	21.5	21.7
Vay và nợ thuê dài hạn	23.2	18.5	18.5	13.9	13.9
Nguồn vốn chủ sở hữu	129	85.1	71.8	66.8	56.0
Vốn chủ sở hữu	129	85.1	71.8	66.8	56.0
Vốn điều lệ	210	210	210	210	210
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)